

Ngành : Dầu khí (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị

NĂM GIỮ

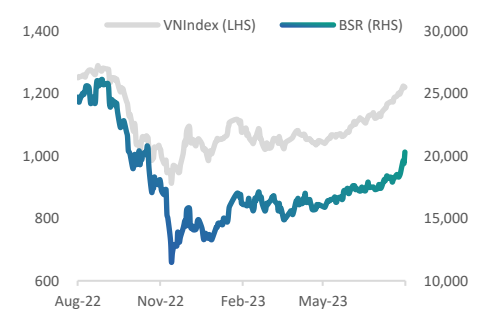
CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (UpCom: BSR)  
Khả năng chuyển sàn rõ ràng hơn

|                        |        |                                    |            |                           |        |
|------------------------|--------|------------------------------------|------------|---------------------------|--------|
| Giá hiện tại:          | 23,100 | Ngày viết báo cáo:                 | 26/06/2024 | Cơ cấu cổ đông            |        |
| Giá mục tiêu trước đây | 24,600 | Cổ phiếu lưu hành (Triệu)          | 3,100      | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 92.13% |
| Giá mục tiêu mới:      | 27,100 | Vốn hóa (tỷ đồng)                  | 74,722     |                           |        |
| Tỷ suất cổ tức         | 3%     | Thanh khoản bình quân 6 tháng (cổ) | 10,818,860 |                           |        |
| Tiềm năng tăng giá     | 17%    | Sở hữu nước ngoài                  | 0.68%      |                           |        |

Chuyên viên phân tích ngành:

Nguyễn Cẩm Tú, CFA  
(Dầu khí)  
[tuntc@bsc.com.vn](mailto:tuntc@bsc.com.vn)

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Định giá

- BSC đưa ra khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với BSR với giá mục tiêu mới là 27,100 VND/cp (tương đương upside 17% so với ngày 26/6/2024). BSC cho rằng đợt tăng giá gần đây của cổ phiếu đã phần nào phản ánh thông tin về khả năng chuyển sàn sang HOSE.

Dự báo kết quả kinh doanh

- BSC dự báo trong năm 2024, doanh thu và lợi nhuận sau thuế BSR đạt 127,395 tỷ (-13.6% YoY) và 4,823 tỷ (-43% YoY), EPS FW = 1,556 VND/cp với giả định (i) Crackspread các sản phẩm xăng dầu chính của BSR đạt trung bình 13.8 USD/thùng (-6% YoY) (ii) Sản lượng tiêu thụ đạt 5.8 triệu tấn (-20% YoY) khi nhà máy bảo trì trong ~ 50 ngày.
- BSC dự báo trong năm 2025, doanh thu và lợi nhuận sau thuế BSR đạt 148,807 tỷ (+16% YoY) và 6,373 tỷ (+32% YoY), EPS FW = 2,055 VND/cp với giả định (i) Crackspread các sản phẩm xăng dầu chính của BSR đạt trung bình 14.2 USD/thùng (+3% YoY) (ii) Sản lượng tiêu thụ đạt 7.2 triệu tấn (+24% YoY) do nhà máy hoạt động tròn năm.

Catalyst

- Tòa đưa ra tuyên bố phá sản cho công ty Nhiên liệu Sinh học miền Trung (BSR-BF). Tuyên bố này sẽ thúc đẩy nhanh kế hoạch chuyển sàn và niêm yết trên HOSE của BSR.

Rủi ro

- Crackspread giảm mạnh

Cập nhật doanh nghiệp

- Trong Q1/2024, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của BSR đạt lần lượt 30,689 tỷ VND (-9.9% YoY) và 1,115 tỷ VND (-31% YoY). Mức suy giảm đến từ (i) biên lợi nhuận gộp các sản phẩm sụt giảm (crackspread diesel Platt trung bình quý 1 giảm 19% YoY) (ii) nhà máy tiến hành bảo dưỡng từ 15/3/2024.
- Năm 2024, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 95,274 tỷ (-37% YoY) và 1,148 tỷ (-87% YoY). Sản lượng sản xuất đạt 5.7 triệu tấn (-22% YoY).

\*Crackspread: Khoảng cách giữa giá dầu và giá thành phẩm xăng dầu

|         | 2022 | 2023 | 2024F | 2025F |                 | 2022    | 2023    | 2024F   | 2025F   |
|---------|------|------|-------|-------|-----------------|---------|---------|---------|---------|
| PE (x)  | 3.8  | 4.8  | 15.8  | 12.0  | Doanh thu       | 167,124 | 147,423 | 127,395 | 147,807 |
| PB (x)  | 0.8  | 1.0  | 0.9   | 0.8   | Lợi nhuận gộp   | 16,096  | 9,608   | 5,273   | 7,745   |
| PS (x)  | 0.3  | 0.3  | 0.6   | 0.5   | NPATMI          | 14,726  | 8,455   | 4,823   | 6,373   |
| ROE (%) | 28.7 | 15.6 | 14.0  | 13.0  | EPS             | 4,750   | 2,745   | 1,556   | 2,056   |
| ROA (%) | 18.7 | 10.3 | 7.0   | 9.4   | Tăng trưởng EPS | 120%    | -42%    | -43%    | 32%     |

I. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH CHUYỂN SÀN VÀ KHẢ NĂNG LỘT VÀO RỔ VN30

Cập nhật tình hình chuyển sàn

Kế hoạch chuyển sàn đã được BSR quyết tâm thực hiện từ rất lâu, và hiện tại, khả năng chuyển sàn đang trở nên rõ ràng hơn khi công ty dự kiến nhận được quyết định của tòa về thủ tục phá sản cho công ty Nhiên liệu Sinh học Miền Trung (BSR – BF). Vào tháng 2 năm 2024, BSR đã làm thủ tục để gửi lên tòa, và BSC kỳ vọng trong khoảng quý 3 công ty sẽ nhận được quyết định của tòa khi thời gian xử lý thường mất 4 đến 6 tháng. Việc để BSR-BF phá sản sẽ giúp BSR xử lý vướng mắc cuối cùng trong 9 điều kiện chuyển sàn: Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 1 năm, từ đó, giúp khả năng chuyển sàn được tăng cao hơn.

Trong cổ phiếu BSR được niêm yết trên HOSE sẽ giúp nâng cao tính minh bạch của công ty, và tăng khả năng tiếp cận các nhà đầu tư lớn (cả trong và ngoài nước). Không chỉ vậy, BSC cho rằng việc niêm yết trên HOSE còn giúp cổ phiếu có thể lọt vào chỉ số VN30 khi chuyển sàn.

Bảng: BSR đã đáp ứng 8/9 tiêu chí để niêm yết cổ phiếu trên HOSE

| STT | Tiêu chí                                                                                                 | Tình trạng                                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1   | Vốn điều lệ (từ 30 tỷ trở lên)                                                                           | Đạt                                                              |
| 2   | Được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua                                                                          | Đạt                                                              |
| 3   | Thời gian niêm yết trên sàn UPCOM (tối thiểu 2 năm)                                                      | Đạt                                                              |
| 4   | Kết quả kinh doanh 2 năm gần nhất có lãi, và ROE năm gần nhất trên 5%                                    | Đạt                                                              |
| 5   | Có tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông (không phải cổ đông lớn) nắm giữ | Đạt (do không áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa) |
| 6   | Cam kết của cổ đông nội bộ về nắm giữ cổ phiếu                                                           | Đạt                                                              |
| 7   | Không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 2 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết                          | Đạt                                                              |
| 8   | Có Công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết                                                     | Đạt                                                              |
| 9   | Không có nợ quá hạn trên 1 năm                                                                           | Chưa đáp ứng                                                     |

Nguồn: BSC

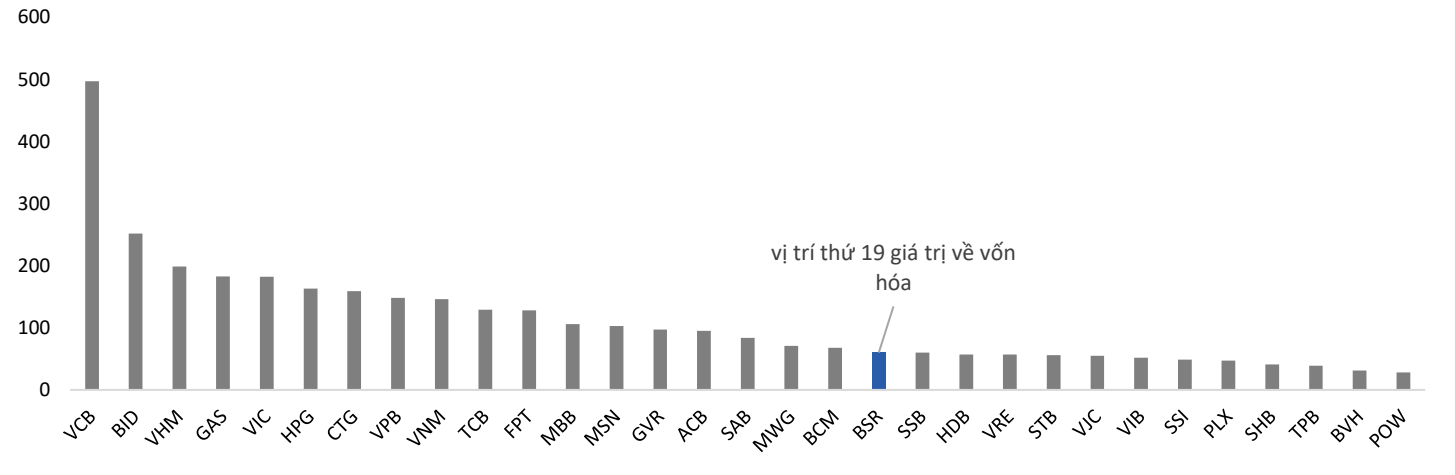
Khả năng lọt vào rổ VN30\*

Sau khi được niêm yết trên HOSE sau 6 tháng, BSR có khả năng lớn lọt vào chỉ số VN30 khi BSR đáp ứng (i) điều kiện về tỷ lệ free – float, thanh khoản, khối lượng và giá trị giao dịch và (ii) vốn hóa trung bình 12 tháng gần nhất ở vị trí 19 so với danh sách VN30 hiện tại (các vị trí ở mức 20 trở lên luôn được chọn vào rổ VN30).

Bảng: BSR đáp ứng các tiêu chí để được vào rổ chỉ số VN30 (số liệu ước tính vào ngày 20/06/2024)

| STT | Điều kiện            | Mức yêu cầu        | Chỉ số của BSR     |
|-----|----------------------|--------------------|--------------------|
| 1   | Tỷ lệ free – float   | >= 10%             | 10%                |
| 2   | Thanh khoản          | >=0.05%**          | 0.27%              |
| 3   | Khối lượng giao dịch | >=100,000 cổ phiếu | 8,104,504 cổ phiếu |
| 4   | Giá trị giao dịch    | >= 10 tỷ*          | 163 tỷ             |

Vốn hóa trung bình 12 tháng (nghìn tỷ VND)



Nguồn: BSC

\*Thông tin chỉ số BSR chỉ mang tính chất tham khảo tại một thời điểm. Việc lọt vào chỉ số VN30 sẽ còn phụ thuộc vào một số yếu tố khác (vd: việc ưu tiên các cổ phiếu đang ở trong rổ,...).

\*\*Điều kiện áp dụng cho cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số VN30 kỳ trước

Chú thích:Nhà đầu tư tham khảo thêm QĐ 714 và QĐ 788 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh về Quy tắc xây dựng Bộ chỉ số.

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1 NĂM 2024

Bảng: Cập nhật kết quả kinh doanh quý 1 năm 2024

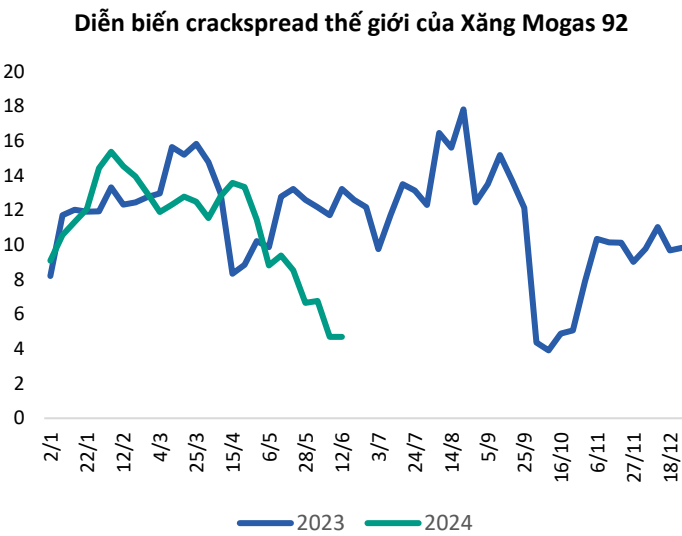
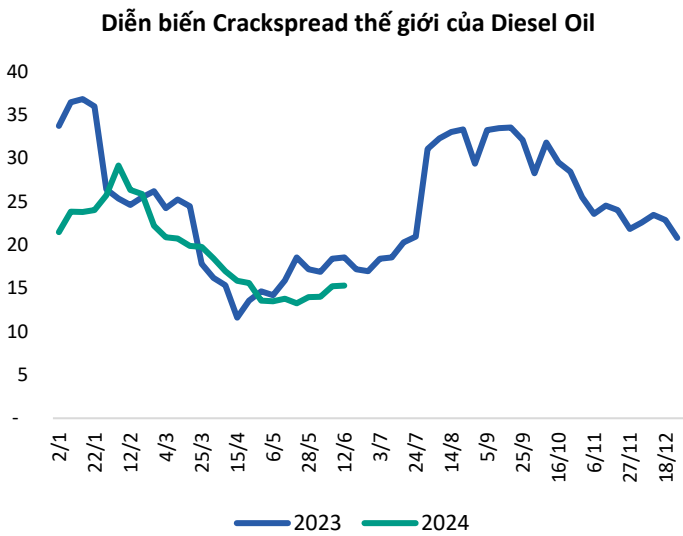
| (tỷ VND)                 | Q1.24         | Q1.23         | % YoY       | Cập nhật KQKD                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|--------------------------|---------------|---------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>   | <b>30,689</b> | <b>34,066</b> | <b>-10%</b> | Trong Quý 1 năm 2024, doanh thu thuần của BSR đạt 30,689 tỷ VND (-10% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,115 tỷ VND (-31% YoY).<br><br>Doanh thu và lợi nhuận ghi nhận sụt giảm do:<br><br>+ Crackspread diesel Platt trung bình quý 1 đạt 23.356 USD, giảm 19% YoY so với cùng kỳ khiến biên lợi nhuận DO giảm<br><br>+ Đáng lưu ý biên lợi nhuận xăng Mogas 95 và Mogas 92 sụt xuống -2% với -1% (cùng kỳ biên đạt +3% và +2%) trong khi Crackspread trung bình của xăng Mogas 92 thế giới đi ngang trong Q1.2024.<br><br>+ Sản lượng tiêu thụ đạt 1.5 triệu tấn (-8.4% YoY) do nhà máy tiến hành bảo dưỡng TA5 từ 15/3. |
| Lợi nhuận gộp            | 1,256         | 2,072         |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| GPM                      | 4.1%          | 6.1%          |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Lãi/lỗ từ CTLDLK         | 0             | 0             |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| CP bán hàng              | -148          | -325          | -55%        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| CP QLDN                  | -111          | -89           | 26%         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| SG&A/Rev                 | 0.9%          | 1.3%          |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| EBIT                     | 1,341         | 1,956         | -31%        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| DT tài chính             | 520           | 810           | -35%        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| CP tài chính             | -256          | -639          | -60%        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| LN khác                  | 23            | 14            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>LNTT</b>              | <b>1,283</b>  | <b>1,843</b>  | <b>-30%</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>LNST</b>              | <b>1,115</b>  | <b>1,621</b>  | <b>-31%</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Doanh thu bộ phận</b> |               |               |             | Năm 2024, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 95,274 tỷ (-37% YoY) và 1,148 tỷ (-87% YoY). Sản lượng sản xuất đạt 5.7 triệu tấn (-22% YoY). BSR đặt giả định crackspread trung bình đạt 8 USD/thùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Diesel DO 0.05S          | 12,382        | 13,088        | -5%         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Xăng RON95               | 9,434         | 9,123         | 3%          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Xăng RON92               | 3,037         | 4,863         | -37%        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Nhiên liệu Jet A-1       | 2,695         | 2,668         | 1%          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Khí LPG                  | 1,606         | 2,150         | -25%        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

Nguồn: BSR

Cập nhật diễn biến crackspread trên thế giới đến tháng 6/2024

Tính đến 20/6/2024, crackspread thế giới của một số sản phẩm xăng dầu diễn biến:

- + Crackspread Gasoil Platts tại Singapore đạt mức 19.32 USD/thùng (-12.7% YoY)
- + Crackspread Xăng Mogas 92 Platts tại Singapore đạt mức 11.04 USD/thùng (-10% YoY). Tuy nhiên, từ tháng 5, crackspread giảm mạnh về mức trung bình 2 tháng là 7.08 USD/thùng (hiện tại quanh mức 4.7 USD/thùng) (-42% YoY, -43% QoQ).
- BSC cho rằng rất khó để dự phóng chính xác đến biến động của crackspread, tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy một số yếu tố cho thấy crackspread khó có khả năng tăng mạnh trong 2H.2024:
- + Giá dầu Brent trải qua đợt điều chỉnh mạnh từ mức đỉnh 90 USD/thùng xuống quanh mức 84 USD/thùng trong năm 2024 sau khi cuộc họp của OPEC+ không công bố về mức cắt giảm sản lượng tự nguyện của mỗi thành viên.
- + Trung Quốc đang là thị trường tăng trưởng nhanh nhất về xuất khẩu các sản phẩm xăng dầu sang Singapore và có ảnh hưởng đến diễn biến crackspread các sản phẩm xăng dầu tại Singapore. Theo thống kê tại Cục hải quan Trung Quốc, sản lượng xuất khẩu Diesel Oil từ Trung Quốc trong tháng 4 và tháng 5 đang tăng +22% và 78% so với cùng kỳ, mặc dù lũy kế 5 tháng đang thấp hơn 34% YoY.



Nguồn: Trading view

Cập nhật dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu:

- Tiến độ: triển khai đấu thầu chọn nhà thầu tổng thể
- Thời gian thực hiện dự án: 37 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng EPC.
- Thời gian hoàn thành: Dự kiến tháng 3/2028 dự án đưa vào hoạt động. Sau khi hoàn thành, công suất chế biến dầu thô kỳ vọng tăng từ 148,000 thùng lên 171,000 thùng/ngày (+15%).
- Nguồn vốn thực hiện: BSR đang trình phương án tăng vốn điều lệ lên 50,000 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, đảm bảo tỷ lệ 40% nguồn vốn chủ sở hữu cho tổng mức đầu tư dự án mở rộng NMLD Dung Quất.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2024 lần lượt đạt 127,395 tỷ (-13.6% YoY) và 4,823 tỷ (-43% YoY), tương đương EPS FW = 1,556 VND/cp dựa trên giả định:

- Crack spread các sản phẩm xăng dầu chính của BSR đạt trung bình 13.8 USD/thùng (-6% YoY).
- Sản lượng tiêu thụ các sản phẩm dầu khí ước đạt 5.8 triệu tấn (-20% YoY) do nhà máy tiến hành bảo trì trong ~ 50 ngày

BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2025 lần lượt đạt 148,807 tỷ (+16% YoY) và 6,373 tỷ (+32% YoY), tương đương EPS FW = 2,056 VND/cp dựa trên giả định:

- Crack spread các sản phẩm xăng dầu chính của BSR đạt trung bình 14.2 USD/thùng (+3% YoY).
- Sản lượng tiêu thụ các sản phẩm dầu khí ước đạt 7.2 triệu tấn (+24% YoY) do nhà máy hoạt động tròn năm

Bảng: Dự phóng KQKD của BSR

| Đv: Tỷ VND      | 2022    | 2023    | 2024F   | 2025F   |
|-----------------|---------|---------|---------|---------|
| Doanh thu thuần | 167,124 | 147,423 | 127,395 | 147,807 |
| Lợi nhuận gộp   | 16,096  | 9,608   | 5,273   | 7,745   |
| Biên LN gộp     | 9.6%    | 6.5%    | 4.1%    | 5.2%    |
| CP bán hàng     | (909)   | (1,034) | (892)   | (1,035) |
| CP QLDN         | (515)   | (626)   | (510)   | (591)   |
| EBIT            | 15,839  | 9,773   | 5,618   | 7,337   |
| DT tài chính    | 1,750   | 2,659   | 2,162   | 1,914   |
| CP tài chính    | (923)   | (1,154) | (726)   | (1,011) |
| Thu nhập khác   | 86      | 32      | 51      | 59      |
| LNTT            | 15,586  | 9,486   | 5,359   | 7,082   |
| LNST            | 14,669  | 8,455   | 4,823   | 6,373   |
| Biên LNST       | 8.8%    | 5.7%    | 3.8%    | 4.3%    |
| LNST-CĐTS       | 14,726  | 8,511   | 4,823   | 6,373   |
| EPS             | 4,750   | 2,745   | 1,556   | 2,056   |

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

BSC đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu BSR với giá mục tiêu 2025F là **27,100 VND/cp** (tương đương upside 17% sau khi tính so với mức giá đóng cửa ngày 26/6/2024) dựa trên hai phương pháp PE và FCFF với tỷ lệ 60% và 40%. BSC chưa đưa dự án mở rộng nhà máy lọc dầu vào định giá.

Phương pháp PE:

BSC sử dụng mức định giá P/E mục tiêu là 11.5 (tăng 15% so với báo cáo trước là 10.x) do kỳ vọng BSR được chuyển sàn sang HOSE và lọt vào rổ VN30 sẽ làm tăng tính minh bạch của cổ phiếu, giúp cổ phiếu được định giá ở mức P/E cao hơn.

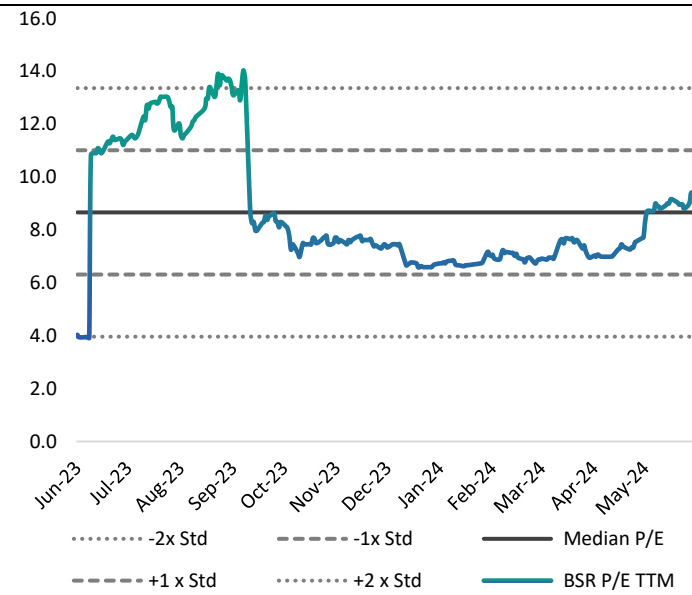
| Phương pháp P/E                  | 2024F  | 2025F  |
|----------------------------------|--------|--------|
| EPS                              | 1,556  | 2,056  |
| P/E mục tiêu                     | 11.5   | 11.5   |
| Giá mục tiêu theo phương pháp PE | 17,900 | 23,650 |

Phương pháp FCFF:

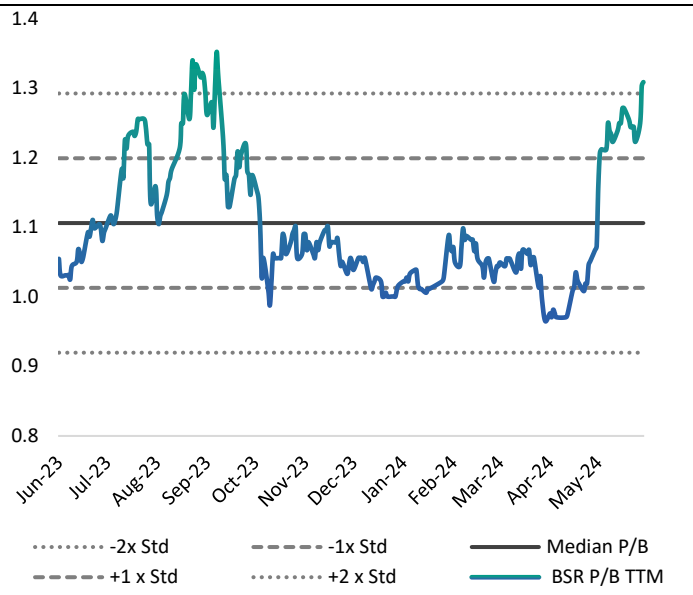
| Phương pháp FCFF                   | 2024F   | 2025F | 2026F | Các giả định |       |
|------------------------------------|---------|-------|-------|--------------|-------|
| Giá trị chiết khấu dòng tiền tự do | 8,556   | 6,646 | 6,459 | Rf           | 5%    |
| PV của giá trị cuối cùng (TV)      | 50,773  |       |       | Beta         | 1.1   |
| Tổng giá trị chiết khấu            | 72,433  |       |       | Ke           | 16.4% |
| (+) Tiền & đầu tư ngắn hạn         | 38,121  |       |       | Kd           | 9.0%  |
| (-) Nợ                             | 10,970  |       |       | WACC         | 12.7% |
|                                    |         |       |       | g            | 1%    |
| Tổng giá trị công ty (tỷ VND)      | 110,555 |       |       |              |       |
| SLCP Lưu hành (triệu cp)           | 3,100   |       |       |              |       |
| Giá trị hợp lý                     | 32,000  |       |       |              |       |
| Giá đóng cửa ngày 20/06/2024       | 24,100  |       |       |              |       |
| Upside                             | 33%     |       |       |              |       |

| Phương pháp                  | Định giá (VND/CP) | Tỷ trọng (%) | Giá bình quân |
|------------------------------|-------------------|--------------|---------------|
| P/E với P/E mục tiêu 11.5    | 23,650            | 60%          | 12,850        |
| FCFF                         | 32,000            | 40%          | 14,250        |
| Giá mục tiêu (VND/CP)        |                   |              | 27,100        |
| Giá đóng cửa ngày 26/06/2024 |                   |              | 23,100        |
| Upside                       |                   |              | 17%           |

Stock PE



Stock PB





## **KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 8&9 Tòa LietvietPostbank  
17 Tông Đản, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84439352722  
Fax: +84422200669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84838218885  
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>  
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

**Bloomberg: RESP BSCV <GO>**

